

**Phụ lục II**  
**DANH MỤC VÀ QUY TRÌNH NỘI BỘ TRONG GIẢI QUYẾT THỦ TỤC**  
**HÀNH CHÍNH THEO CƠ CHẾ MỘT CỬA LIÊN THÔNG THUỘC THẨM**  
**QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Quyết định số 1552 /QĐ-UBND ngày 08/7/2025 của  
Chủ tịch UBND tỉnh Lạng Sơn)

**Phần I**  
**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC XÂY DỰNG QUY TRÌNH**  
**NỘI BỘ THỰC HIỆN THEO CƠ CHẾ MỘT CỬA LIÊN THÔNG (33 TTHC)**

Số TT	Tên thủ tục hành chính	Cơ quan thực hiện
<b>I</b>	<b>LĨNH VỰC THỦY LỢI (15 TTHC)</b>	
1	Cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Xây dựng công trình mới; Lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật tư, phương tiện; Xây dựng công trình ngầm thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh.	<div>- UBND tỉnh; - Sở Nông nghiệp và Môi trường;</div>
2	Cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi đối với hoạt động du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh	
3	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Xây dựng công trình mới; Lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, vật tư, phương tiện; Xây dựng công trình ngầm thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh	
4	Cấp giấy phép nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh.	
5	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh.	

Số TT	Tên thủ tục hành chính	Cơ quan thực hiện
6	Cấp lại giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trong trường hợp bị mất, bị rách, hư hỏng thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh.	- UBND tỉnh;  - Sở Nông nghiệp và Môi trường;
7	Cấp lại giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trong trường hợp tên chủ giấy phép đã được cấp bị thay đổi do chuyển nhượng, sáp nhập, chia tách, cơ cấu lại tổ chức thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh.	
8	Cấp giấy phép hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi của Chủ tịch UBND cấp tỉnh.	
9	Cấp giấy phép cho các hoạt động trồng cây lâu năm trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh.	
10	Cấp giấy phép nuôi trồng thủy sản trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh.	
11	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi đối với hoạt động: du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh.	
12	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Trồng cây lâu năm; Hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh.	
13	Phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công đối với đập, hồ chứa nước và vùng hạ du đập trên địa bàn từ 02 xã trở lên thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp tỉnh	
14	Phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp đối với đập, hồ chứa nước và vùng hạ du đập trên địa bàn từ 02 xã trở lên thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp tỉnh	
15	Phê duyệt phương án bảo vệ đập, hồ chứa nước thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp tỉnh	

Số TT	Tên thủ tục hành chính	Cơ quan thực hiện
<b>II</b>	<b>LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN NƯỚC (14 TTHC)</b>	
16	Chấp thuận nội dung về phương án chuyển nước	- UBND tỉnh; - Sở Nông nghiệp và Môi trường.
17	Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình cấp cho sinh hoạt đã đi vào vận hành và được cấp giấy phép khai thác tài nguyên nước nhưng chưa được phê duyệt tiền cấp quyền	
18	Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình chưa vận hành	
19	Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình đã vận hành	
20	Điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước	
21	Tạm dừng hiệu lực giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác tài nguyên nước	
22	Cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 5.000 m <sup>3</sup> /ngày đêm	
23	Gia hạn, điều chỉnh giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 5.000 m <sup>3</sup> /ngày đêm	
24	Cấp giấy phép khai thác nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 5.000 m <sup>3</sup> /ngày đêm	
25	Gia hạn, điều chỉnh giấy phép khai thác nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 5.000 m <sup>3</sup> /ngày đêm	
26	Cấp giấy phép khai thác nước mặt, nước biển (đối với các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 và các trường hợp quy định tại điểm c, d, đ, e khoản 4 Điều 31 Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025)	
27	Gia hạn, điều chỉnh giấy phép khai thác nước mặt, nước biển	
28	Trả lại giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác tài nguyên nước	
29	Cấp lại giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác tài nguyên nước	

Số TT	Tên thủ tục hành chính	Cơ quan thực hiện
<b>III</b>	<b>QUẢN LÝ CÔNG SẢN (02 TTHC)</b>	
30	Giao tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi	- UBND tỉnh;
31	Thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi; xử lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi trong trường hợp bị mất, hủy hoại	- Sở Nông nghiệp và Môi trường
<b>IV</b>	<b>LĨNH VỰC PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI (02 TTHC)</b>	
32	Phê duyệt Văn kiện viện trợ quốc tế khẩn cấp để khắc phục hậu quả thiên tai không thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương tiếp nhận của Thủ tướng Chính phủ (cấp tỉnh)	- UBND tỉnh; - Sở Nông nghiệp và Môi trường
33	Điều chỉnh Văn kiện viện trợ quốc tế khẩn cấp để khắc phục hậu quả thiên tai không thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương tiếp nhận của Thủ tướng Chính phủ (cấp tỉnh)	

**Phần II**  
**QUY TRÌNH NỘI BỘ TRONG GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**  
**THEO CƠ CHẾ MỘT CỬA LIÊN THÔNG (31 TTHC)**

**CỤM TỪ VIẾT TẮT**

- Công chức một cửa: CCMC
- Trung tâm Phục vụ hành chính công: TTPVHCC
- Ủy ban nhân dân: UBND
- Nông nghiệp và Môi trường: NN&MT
- Quản lý Tài nguyên nước: QLTNN
- Kế hoạch tài chính: KHTC

**I. LĨNH VỰC THỦY LỢI (15 TTHC)**

**1. Cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Xây dựng công trình mới; Lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật tư, phương tiện; Xây dựng công trình ngầm thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh.**

Tổng thời hạn thực hiện TTHC: 15 ngày làm việc

*(Thời gian thực hiện theo quy định: 25 ngày làm việc, thời gian đã cắt giảm: 10 ngày làm việc)*

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ và ghi giấy biên nhận, hẹn trả kết quả. Nhập hồ sơ điện tử. Chuyển hồ sơ đến Lãnh đạo phòng QLTNN.	CCMC tại TTPVHCC/Văn thư Sở/Lãnh đạo Văn phòng Sở	1/2 ngày
B2	Phân công Chuyên viên phòng QLTNN	Lãnh đạo phòng QLTNN	1/2 ngày
B3	Thẩm định hồ sơ, xây dựng dự thảo văn bản. - Trường hợp hồ sơ không đáp ứng yêu cầu thông báo cho cá nhân/tổ chức trong thời hạn không quá 14 giờ, nêu rõ lý do. - Trường hợp hồ sơ cần giải trình và bổ sung thêm, thông báo cho cá nhân/tổ chức không quá 18 giờ. - Trường hợp hồ sơ đáp ứng yêu cầu: thẩm định, dự thảo kết quả giải quyết TTHC trình lãnh đạo phòng QLTNN.	Chuyên viên Phòng QLTNN	08 ngày
B4	Xử lý hồ sơ, trình Lãnh đạo Sở NN&MT	Lãnh đạo phòng QLTNN	01 ngày

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B5	Xem xét văn bản, ký Tờ trình trình UBND tỉnh ban hành văn bản giải quyết TTHC.	Lãnh đạo Sở NN&MT	01 ngày
B6	Xem xét, quyết định; chuyển kết quả giải quyết TTHC cho CCMC của Sở NN&MT tại TTPVHCC	Lãnh đạo UBND tỉnh	04 ngày
B7	Trả kết quả giải quyết Thống kê và theo dõi	CCMC Sở tại TTPVHCC	Không tính thời gian
<b>Tổng thời gian giải quyết</b>			<b>15 ngày làm việc</b>

## **2. Nhóm 04 TTHC, bao gồm:**

**2.1. Cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi đối với hoạt động du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh.**

**2.2. Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Xây dựng công trình mới; Lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, vật tư, phương tiện; Xây dựng công trình ngầm thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh.**

**2.3. Cấp giấy phép nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh.**

**2.4. Cấp giấy phép cho các hoạt động trồng cây lâu năm trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh.**

Tổng thời hạn thực hiện TTHC: 10 ngày làm việc

*(Các TTHC số 2.1 đến 2.3 có thời gian thực hiện theo quy định: 15 ngày làm việc, thời gian đã cắt giảm: 05 ngày làm việc)*

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ và ghi giấy biên nhận, hẹn trả kết quả. Nhập hồ sơ điện tử. Chuyển hồ sơ đến Lãnh đạo phòng QLTNN.	CCMC tại TTPVHCC/Văn thư Sở/Lãnh đạo Văn phòng Sở	1/2 ngày
B2	Phân công Chuyên viên Phòng QLTNN xử lý	Lãnh đạo Phòng QLTNN	1/2 ngày
B3	Thẩm định hồ sơ, xây dựng dự thảo văn bản. - Trường hợp hồ sơ không đáp ứng yêu	Chuyên viên Phòng QLTNN	04 ngày

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
	cầu thông báo cho cá nhân/tổ chức trong thời hạn không quá 12 giờ, nêu rõ lý do. - Trường hợp hồ sơ cần giải trình và bổ sung thêm, thông báo cho cá nhân/tổ chức không quá 18 giờ. - Trường hợp hồ sơ đáp ứng yêu cầu: thẩm định, dự thảo kết quả giải quyết TTHC trình lãnh đạo Phòng QLTNN.		
B4	Xử lý hồ sơ, trình Lãnh đạo Sở NN&MT	Lãnh đạo Phòng QLTNN	01 ngày
B5	Xem xét văn bản, ký Tờ trình trình UBND tỉnh ban hành văn bản giải quyết TTHC.	Lãnh đạo Sở NN&MT	01 ngày
B6	Xem xét, quyết định; chuyển kết quả giải quyết TTHC cho CCMC của Sở NN&MT tại TTPVHCC	Lãnh đạo UBND tỉnh	03 ngày
B7	Trả kết quả giải quyết Thống kê và theo dõi	CCMC Sở tại TTPVHCC	Không tính thời gian
<b>Tổng thời gian giải quyết</b>			<b>10 ngày làm việc</b>

### 3. Nhóm 03 TTHC, bao gồm:

**3.1. Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh.**

**3.2. Cấp giấy phép nuôi trồng thủy sản trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh.**

**3.3. Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi đối với hoạt động: du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh.**

Tổng thời hạn thực hiện TTHC: 08 ngày làm việc (*Thời gian thực hiện theo quy định: 10 ngày làm việc, thời gian đã cắt giảm: 02 ngày làm việc*)

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ và ghi giấy biên nhận, hẹn trả kết quả. Nhập hồ sơ điện tử. Chuyển hồ sơ đến Lãnh đạo phòng QLTNN.	CCMC tại TTPVHCC/Văn thư Sở/Lãnh đạo Văn phòng Sở	1/2 ngày

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B2	Phân công Chuyên viên Phòng QLTNN xử lý	Lãnh đạo Phòng QLTNN	1/2 ngày
B3	Thẩm định hồ sơ, xây dựng dự thảo văn bản. - Trường hợp hồ sơ không đáp ứng yêu cầu thông báo cho cá nhân/tổ chức trong thời hạn không quá 04 giờ, nêu rõ lý do. - Trường hợp hồ sơ cần giải trình và bổ sung thêm, thông báo cho cá nhân/tổ chức không quá 06 giờ. - Trường hợp hồ sơ đáp ứng yêu cầu: thẩm định, dự thảo kết quả giải quyết TTHC trình lãnh đạo Phòng QLTNN.	Chuyên viên Phòng QLTNN	3,5 ngày
B4	Xử lý hồ sơ, trình Lãnh đạo Sở NN&MT	Lãnh đạo Phòng QLTNN	1/2 ngày
B5	Xem xét văn bản, ký Tờ trình trình UBND tỉnh ban hành văn bản giải quyết TTHC.	Lãnh đạo Sở NN&MT	01 ngày
B6	Xem xét, quyết định; chuyển kết quả giải quyết TTHC cho CCMC của Sở NN&MT tại TTPVHCC	Lãnh đạo UBND tỉnh	02 ngày
B7	Trả kết quả giải quyết Thông kê và theo dõi	CCMC Sở tại TTPVHCC	Không tính thời gian
<b>Tổng thời gian giải quyết</b>			<b>08 ngày làm việc</b>

#### **4. Nhóm 02 TTHC, gồm:**

**4.1. Cấp lại giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trong trường hợp bị mất, bị rách, hư hỏng thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh.**

**4.2. Cấp lại giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trong trường hợp tên chủ giấy phép đã được cấp bị thay đổi do chuyển nhượng, sáp nhập, chia tách, cơ cấu lại tổ chức thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh.**

Tổng thời hạn thực hiện TTHC: 03 (ngày làm việc) x 08 giờ = 24 giờ



<b>TT</b>	<b>Trình tự</b>	<b>Trách nhiệm thực hiện</b>	<b>Thời gian thực hiện (ngày làm việc)</b>
B1	Tiếp nhận hồ sơ và ghi giấy biên nhận, hẹn trả kết quả. Nhập hồ sơ điện tử. Chuyển hồ sơ đến Lãnh đạo phòng QLTNN.	CCMC tại TTPVHCC/Văn thư Sở/Lãnh đạo Văn phòng Sở	02 giờ
B2	Phân công chuyên viên Phòng QLTNN xử lý	Lãnh đạo phòng QLTNN	02 giờ
B3	Thẩm định hồ sơ, xây dựng dự thảo văn bản. - Trường hợp hồ sơ không đáp ứng yêu cầu thông báo cho cá nhân/tổ chức trong thời hạn không quá 04 giờ, nêu rõ lý do. - Trường hợp hồ sơ cần giải trình và bổ sung thêm, thông báo cho cá nhân/tổ chức không quá 06 giờ. - Trường hợp hồ sơ đáp ứng yêu cầu: thẩm định, dự thảo kết quả giải quyết TTHC trình lãnh đạo Phòng QLTNN.	Chuyên viên Phòng QLTNN	06 giờ
B4	Xử lý hồ sơ, trình Lãnh đạo Sở NN&MT	Lãnh đạo Phòng QLTNN	02 giờ
B5	Xem xét văn bản, ký Tờ trình trình UBND tỉnh ban hành văn bản giải quyết TTHC.	Lãnh đạo Sở NN&MT	04 giờ
B6	Xem xét, quyết định; chuyển kết quả giải quyết TTHC cho CCMC của Sở NN&MT tại TTPVHCC	Lãnh đạo UBND tỉnh	08 giờ
B7	Trả kết quả giải quyết Thống kê và theo dõi	CCMC Sở tại TTPVHCC	Không tính thời gian
<b>Tổng thời gian giải quyết</b>			<b>24 giờ</b>

**5. Cấp giấy phép hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi của Chủ tịch UBND cấp tỉnh.**

Tổng thời hạn thực hiện TTHC: 07 ngày làm việc

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện (ngày làm việc)
B1	Tiếp nhận hồ sơ và ghi giấy biên nhận, hẹn trả kết quả. Nhập hồ sơ điện tử. Chuyển hồ sơ đến Lãnh đạo phòng QLTNN.	CCMC tại TTPVHCC/Văn thư Sở/Lãnh đạo Văn phòng Sở	1/4 ngày
B2	Phân công Chuyên viên Phòng QLTNN xử lý	Lãnh đạo Phòng QLTNN	1/4 ngày
B3	Thẩm định hồ sơ, xây dựng dự thảo văn bản. - Trường hợp hồ sơ không đáp ứng yêu cầu thông báo cho cá nhân/tổ chức trong thời hạn không quá 04 giờ, nêu rõ lý do. - Trường hợp hồ sơ cần giải trình và bổ sung thêm, thông báo cho cá nhân/tổ chức không quá 06 giờ. - Trường hợp hồ sơ đáp ứng yêu cầu: thẩm định, dự thảo kết quả giải quyết TTHC trình lãnh đạo Phòng QLTNN.	Chuyên viên Phòng QLTNN	03 ngày
B4	Xử lý hồ sơ, trình Lãnh đạo Sở NN&MT	Lãnh đạo Phòng QLTNN	1/2 ngày
B5	Xem xét văn bản, ký Tờ trình trình UBND tỉnh ban hành văn bản giải quyết TTHC.	Lãnh đạo Sở NN&MT	01 ngày
B6	Xem xét, quyết định; chuyển kết quả giải quyết TTHC cho CCMC của Sở NN&MT tại TTPVHCC	Lãnh đạo UBND tỉnh	02 ngày
B7	Trả kết quả giải quyết Thống kê và theo dõi	CCMC Sở tại TTPVHCC	Không tính thời gian
<b>Tổng thời gian giải quyết</b>			<b>07 ngày làm việc</b>

**6. Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Trồng cây lâu năm; Hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh.**

Tổng thời hạn thực hiện TTHC: 05 (ngày làm việc) x 08 giờ = 40 giờ

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ và ghi giấy biên nhận, hẹn trả kết quả. Nhập hồ sơ điện tử. Chuyển hồ sơ đến Lãnh đạo phòng QLTNN.	CCMC tại TTPVHCC/Văn thư Sở/Lãnh đạo Văn phòng Sở	02 giờ
B2	Phân công Chuyên viên Phòng QLTNN xử lý	Lãnh đạo Chuyên viên Phòng QLTNN	02 giờ
B3	Thẩm định hồ sơ, xây dựng dự thảo văn bản. - Trường hợp hồ sơ không đáp ứng yêu cầu thông báo cho cá nhân/tổ chức trong thời hạn không quá 08 giờ, nêu rõ lý do. - Trường hợp hồ sơ cần giải trình và bổ sung thêm, thông báo cho cá nhân/tổ chức không quá 10 giờ. - Trường hợp hồ sơ đáp ứng yêu cầu: thẩm định, dự thảo kết quả giải quyết TTHC trình lãnh đạo Chuyên viên Phòng QLTNN.	Chuyên viên Phòng QLTNN	16 giờ
B4	Xử lý hồ sơ, trình Lãnh đạo Sở NN&MT	Lãnh đạo Chuyên viên Phòng QLTNN	06 giờ
B5	Xem xét văn bản, ký Tờ trình trình UBND tỉnh ban hành văn bản giải quyết TTHC.	Lãnh đạo Sở NN&MT	06 giờ
B6	Xem xét, quyết định; chuyển kết quả giải quyết TTHC cho CCMC của Sở NN&MT tại TTPVHCC	Lãnh đạo UBND tỉnh	08 giờ
B7	Trả kết quả giải quyết Thống kê và theo dõi	CCMC Sở tại TTPVHCC	Không tính thời gian
<b>Tổng thời gian giải quyết</b>			<b>40 giờ</b>

## 7. Nhóm 02 TTHC, gồm:

**7.1. Phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công đối với đập, hồ chứa nước và vùng hạ du đập trên địa bàn từ 02 xã trở lên thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp tỉnh**

**7.2. Phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp đối với đập, hồ chứa nước và vùng hạ du đập trên địa bàn từ 02 xã trở lên thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp tỉnh**

Tổng thời hạn thực hiện TTHC: 12 ngày làm việc.

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ và ghi giấy biên nhận, hẹn trả kết quả. Nhập hồ sơ điện tử. Chuyển hồ sơ đến Lãnh đạo phòng QLTNN.	CCMC tại TTPVHCC/ Văn thư Sở/Lãnh đạo Văn phòng Sở	1/2 ngày
B2	Phân công chuyên viên Phòng QLTNN	Lãnh đạo Phòng QLTNN	1/2 ngày
B3	Thẩm định hồ sơ, xây dựng dự thảo văn bản. - Trường hợp hồ sơ không đáp ứng yêu cầu, thông báo cho cá nhân/tổ chức trong thời hạn không quá 14 giờ, nêu rõ lý do; Trường hợp hồ sơ cần giải trình và bổ sung thêm, thông báo cho cá nhân/tổ chức không quá 18 giờ kể từ giờ viết phiếu biên nhận. - Trường hợp hồ sơ đáp ứng yêu cầu: Xây dựng dự thảo kết quả giải quyết TTHC	Chuyên viên Phòng QLTNN	07 ngày
B4	Xử lý hồ sơ, trình Lãnh đạo Sở NN&MT	Lãnh đạo Phòng QLTNN	01 ngày
B5	Xem xét văn bản, ký Tờ trình trình UBND tỉnh ban hành văn bản giải quyết TTHC.	Lãnh đạo Sở NN&MT	01 ngày
B6	Xem xét, quyết định; chuyển kết quả giải quyết TTHC cho công chức một cửa của Sở NN&MT tại TTPVHCC	Chủ tịch UBND tỉnh	02 ngày
B7	Trả kết quả giải quyết Thống kê và theo dõi	CCMC tại TTPVHCC	Không tính thời gian
<b>Tổng thời gian giải quyết</b>			<b>12 ngày làm việc</b>

## **8. Phê duyệt phương án bảo vệ đập, hồ chứa nước thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp tỉnh**

Tổng thời hạn thực hiện TTHC: 25 ngày làm việc

<b>TT</b>	<b>Trình tự</b>	<b>Trách nhiệm thực hiện</b>	<b>Thời gian thực hiện</b>
B1	Tiếp nhận hồ sơ và ghi giấy biên nhận, hẹn trả kết quả. Nhập hồ sơ điện tử, chuyển hồ sơ cho Lãnh đạo Phòng QLTNN	Công chức TTPVHCC cấp tỉnh	1/2 ngày
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng QLTNN	1/2 ngày
B3	Tổ chức Thẩm định hồ sơ, kiểm tra thực tế (trường hợp cần thiết), xây dựng dự thảo văn bản. - Trường hợp hồ sơ không đáp ứng yêu cầu, thông báo cho cá nhân/tổ chức, nêu rõ lý do; Trường hợp hồ sơ cần giải trình và bổ sung thêm, thông báo cho cá nhân/tổ chức không quá 18 giờ kể từ giờ viết phiếu biên nhận. - Trường hợp hồ sơ đáp ứng yêu cầu: Xây dựng dự thảo kết quả giải quyết TTHC	Chuyên viên Phòng QLTNN	18 ngày
B4	Xử lý hồ sơ, trình Lãnh đạo Sở NN&MT	Lãnh đạo Phòng QLTNN	02 ngày
B5	Xem xét văn bản, ký Tờ trình trình UBND tỉnh ban hành văn bản giải quyết TTHC.	Lãnh đạo Sở NN&MT	02 ngày
B6	Xem xét, quyết định; chuyển kết quả giải quyết TTHC cho công chức một cửa của Sở NN&MT tại TTPVHCC	Chủ tịch UBND tỉnh	02 ngày
B7	Trả kết quả giải quyết Thống kê và theo dõi	CCMC tại TTPVHCC	Không tính thời gian
<b>Tổng thời gian giải quyết</b>			<b>25 ngày làm việc</b>

## **II. LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN NƯỚC (14 TTHC)**

### **1. Nhóm 02 TTHC, gồm:**

**1.1. Tạm dừng hiệu lực giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác tài nguyên nước**

## 1.2. Trả lại giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác tài nguyên nước

Tổng thời gian thực hiện TTHC: 23 ngày.

Số TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ và ghi giấy biên nhận, hẹn trả kết quả. Nhập hồ sơ điện tử. Chuyển hồ sơ đến Lãnh đạo phòng QLTNN.	CCMC tại TTPVHCC/Văn thư Sở/Lãnh đạo Văn phòng Sở	01 ngày
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng QLTNN	1/2 ngày
B3	Thẩm định hồ sơ + Trường hợp đủ điều kiện để chấp thuận tạm dừng giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác tài nguyên nước, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chấp thuận; trường hợp không đủ điều kiện để chấp thuận thì trả lại hồ sơ cho tổ chức, cá nhân và thông báo rõ lý do bằng văn bản. + Trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa để hoàn thiện hồ sơ, gửi văn bản thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị tạm dừng hiệu lực giấy phép nêu rõ những nội dung cần bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. Thời gian bổ sung, hoàn thiện hồ sơ không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ. Thời gian thẩm định sau khi hồ sơ được bổ sung hoàn chỉnh là 6 ngày làm việc.	Chuyên viên Phòng QLTNN	12 ngày
B4	Xem xét văn bản xử lý của chuyên viên trình (dự thảo Tờ trình và Quyết định), trình Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Phòng QLTNN	01 ngày
B5	Duyệt hồ sơ, ký văn bản, chuyển văn thư phát hành.	Lãnh đạo Sở NN&MT	03 ngày
B6	Phát hành văn bản; Chuyển hồ sơ đến UBND tỉnh	Văn thư Sở NN&MT	1/2 ngày
B7	Xem xét, ban hành quyết định; chuyển kết quả đến CCMC Sở tại TTPVHCC	Lãnh đạo UBND tỉnh	05 ngày

Số TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B8	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thống kê và theo dõi</li> <li>- Trả kết quả cho cá nhân/tổ chức</li> </ul>	CCMC tại TTPVHCC	Không tính thời gian
<b>Tổng thời gian giải quyết TTHC</b>			<b>23 ngày</b>

## 2. Nhóm 02 TTHC, gồm:

**2.1. Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình cấp cho sinh hoạt đã đi vào vận hành và được cấp giấy phép khai thác tài nguyên nước nhưng chưa được phê duyệt tiền cấp quyền**

**2.2. Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình chưa vận hành**

Tổng thời gian thực hiện TTHC: 26 ngày.

STT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ: - Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trả lại hồ sơ và thông báo rõ lý do cho tổ chức, cá nhân. - Trường hợp hồ sơ hợp lệ, tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ nếu đủ điều kiện ghi giấy biên nhận, hẹn ngày trả kết quả. Chuyển hồ sơ cho Lãnh đạo phòng QLTNN	CCMC Sở tại TTPVHCC/Văn thư Sở/Lãnh đạo Văn phòng Sở	1/2 ngày
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng QLTNN	1/2 ngày
B3	Thẩm định hồ sơ: - Kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, tổ chức thẩm định hồ sơ tính tiền cấp quyền, nếu cần thiết thì thành lập hội đồng thẩm định hồ sơ tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước. - Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện thì trả lại hồ sơ và thông báo rõ lý do bằng văn bản; Trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa để hoàn thiện thì gửi văn bản thông báo cho tổ chức, cá nhân nêu rõ những nội dung cần bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. Thời gian bổ sung, hoàn thiện không	Chuyên viên Phòng QLTNN	17,5 ngày

STT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
	tính vào thời gian thẩm định hồ sơ. Thời gian thẩm định sau khi được bổ sung hoàn chỉnh là 15 ngày.		
B4	Xem xét văn bản xử lý của chuyên viên trình (dự thảo Tờ trình và Quyết định), trình Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo phòng QLTTN	01 ngày
B5	Duyệt hồ sơ, ký văn bản xử lý chuyển văn thư phát hành.	Lãnh đạo Sở NN&MT	01 ngày
B6	Phát hành văn bản, chuyển hồ sơ đến UBND tỉnh	Văn thư Sở NN&MT	1/2 ngày
B7	Xem xét, ban hành quyết định; chuyển kết quả đến CCMC Sở tại TTPVHCC	Lãnh đạo UBND tỉnh	05 ngày
B8	- Thống kê và theo dõi - Thông báo, trả kết quả	CCMC tại TTPVHCC	Không tính thời gian
<b>Tổng thời gian giải quyết TTHC</b>			<b>26 ngày</b>

### 3. Nhóm 03 TTHC, gồm:

**3.1. Cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 5.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm**

**3.2. Cấp giấy phép khai thác nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 5.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm**

**3.3. Cấp giấy phép khai thác nước mặt (đối với các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 và các trường hợp quy định tại điểm c, d, đ, e khoản 4 Điều 31 Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025.**

Tổng thời gian thực hiện 01 TTHC: 45 ngày.

STT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ: - Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trả lại hồ sơ và thông báo rõ lý do cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép. - Trường hợp hồ sơ hợp lệ, tiếp nhận hồ sơ ghi giấy tiếp nhận, hẹn ngày trả kết quả; nhập hồ sơ điện tử; chuyển hồ sơ cho Phòng QLTTN	CCMC Sở tại TTPVHCC/Văn thư Sở/Lãnh đạo Văn phòng Sở	01 ngày



STT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng QLTNN	01 ngày
B3	<p>Thẩm định hồ sơ</p> <p>Kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, gửi thông báo nộp phí thẩm định cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép và thẩm định hồ sơ; nếu cần thiết thì kiểm tra thực tế hiện trường, lập hội đồng thẩm định đề án, tổ chức lấy ý kiến các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.</p> <p>+ Trường hợp đủ điều kiện cấp phép, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp phép; trường hợp không đủ điều kiện để cấp phép thì trả lại hồ sơ cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép và thông báo rõ lý do bằng văn bản.</p> <p>+ Trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa để hoàn thiện đề án, gửi văn bản thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép nêu rõ những nội dung cần bổ sung, hoàn thiện đề án.</p> <p>Thời gian bổ sung, hoàn thiện đề án không tính vào thời gian thẩm định đề án. Thời gian thẩm định sau khi đề án được bổ sung hoàn chỉnh là 24 ngày.</p> <p>+ Trường hợp phải lập lại đề án, gửi văn bản thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép nêu rõ những nội dung đề án chưa đạt yêu cầu, phải làm lại và trả lại hồ sơ đề nghị cấp phép.</p>	Chuyên viên Phòng QLTNN	30 ngày
B4	Xem xét văn bản xử lý của chuyên viên, trình Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Phòng QLTNN	02 ngày
B5	Duyệt hồ sơ/ký văn bản xử lý chuyển văn thư phát hành.	Lãnh đạo Sở NN&MT	2,5 ngày
B6	Phát hành văn bản; Chuyển hồ sơ đến UBND tỉnh	Văn thư Sở NN&MT	1,5 ngày
B7	Xem xét, ban hành quyết định; chuyển kết quả đến CCMC Sở tại TTPVHCC	Lãnh đạo UBND tỉnh	07 ngày
B8	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thống kê và theo dõi</li> <li>- Thông báo, trả kết quả cho tổ chức, cá nhân</li> </ul>	CCMC tại TTPVHCC	Không tính thời gian
<b>Tổng thời gian giải quyết TTHC</b>			<b>45 ngày</b>

#### 4. Nhóm 03 TTHC, gồm:

**4.1. Gia hạn, điều chỉnh giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 5.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm**

**4.2. Gia hạn, điều chỉnh giấy phép khai thác nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 5.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm**

**4.3. Gia hạn, điều chỉnh giấy phép khai thác nước mặt, nước biển**

Tổng thời gian thực hiện 01 TTHC: 38 ngày.

Số TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	<p>Tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trả lại hồ sơ và thông báo rõ lý do cho tổ chức, cá nhân đề nghị gia hạn, điều chỉnh giấy phép.</li> <li>+ Trường hợp hồ sơ hợp lệ, tiếp nhận hồ sơ, ghi giấy hẹn ngày làm việc trả kết quả. Nhập hồ sơ điện tử; Chuyển hồ sơ cho Lãnh đạo Phòng QLTNN</li> </ul>	CCMC Sở tại TTPVHCC/Văn thư Sở/Lãnh đạo Văn phòng Sở	01 ngày
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng QLTNN	01 ngày
B3	<p>Thẩm định hồ sơ</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, gửi thông báo nộp phí thẩm định cho tổ chức, cá nhân đề nghị gia hạn, điều chỉnh giấy phép và thẩm định hồ sơ; nếu cần thiết thì kiểm tra thực tế hiện trường, lập hội đồng thẩm định đề án, tổ chức lấy ý kiến các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.</li> <li>+ Trường hợp đủ điều kiện gia hạn, điều chỉnh, trình UBND tỉnh gia hạn, điều chỉnh giấy phép; trường hợp không đủ điều kiện để gia hạn, điều chỉnh giấy phép thì trả lại hồ sơ cho tổ chức, cá nhân đề nghị gia hạn, điều chỉnh giấy phép và thông báo rõ lý do bằng văn bản.</li> <li>+ Trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa để hoàn thiện đề án, gửi văn bản thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị gia hạn, điều chỉnh giấy phép nêu rõ những nội dung cần bổ sung, hoàn thiện đề án.</li> </ul>	Chuyên viên Phòng QLTNN	26 ngày

Số TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
	Thời gian bổ sung, hoàn thiện đề án không tính vào thời gian thẩm định đề án. Thời gian thẩm định sau khi đề án được bổ sung hoàn chỉnh là 24 ngày. + Trường hợp phải lập lại đề án, gửi văn bản thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị gia hạn, điều chỉnh giấy phép nêu rõ những nội dung đề án chưa đạt yêu cầu, phải làm lại và trả lại hồ sơ đề nghị gia hạn, điều chỉnh giấy phép.		
B4	Xem xét văn bản xử lý của chuyên viên, trình Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Phòng QLTNN	02 ngày
B5	Duyệt hồ sơ/ký văn bản xử lý chuyển văn thư	Lãnh đạo Sở NN&MT	02 ngày
B6	Phát hành văn bản; Chuyển hồ sơ đến UBND tỉnh	Văn thư Sở NN&MT	01 ngày
B7	Xem xét, ban hành quyết định; chuyển kết quả đến CCMC Sở tại TTPVHCC	Lãnh đạo UBND tỉnh	05 ngày
B8	- Thống kê và theo dõi - Thông báo, trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	CCMC tại TTPVHCC	Không tính thời gian
<b>Tổng thời gian giải quyết TTHC</b>			<b>38 ngày</b>

## **5. Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình đã vận hành**

**5.1.** Trường hợp 1: Tổng thời gian thực hiện TTHC: 45 ngày (*trường hợp nộp cùng với hồ sơ đề nghị cấp giấy phép khai thác tài nguyên nước*)

Số TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ: - Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trả lại hồ sơ và thông báo rõ lý do cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép. - Trường hợp hồ sơ hợp lệ, tiếp nhận hồ sơ ghi giấy tiếp nhận, hẹn ngày trả kết quả; nhập hồ sơ điện tử; chuyển hồ sơ cho Phòng QLTNN	CCMC Sở tại TTPVHCC/Văn thư Sở/Lãnh đạo Văn phòng Sở	01 ngày

Số TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng QLTNN	01 ngày
B3	Thẩm định hồ sơ - Kiểm tra, thẩm định hồ sơ tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước được thực hiện đồng thời với việc kiểm tra, thẩm định hồ sơ đề nghị cấp. - Trình UBND tỉnh dự thảo Quyết định phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.	Chuyên viên Phòng QLTNN	30 ngày
B4	Xem xét văn bản xử lý của chuyên viên, trình Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Phòng QLTNN	02 ngày
B5	Duyệt hồ sơ/ký văn bản xử lý chuyển văn thư phát hành.	Lãnh đạo Sở NN&MT	03 ngày
B6	Phát hành văn bản; Chuyển hồ sơ đến UBND tỉnh	Văn thư Sở NN&MT	01 ngày
B7	Xem xét, ban hành quyết định; chuyển kết quả đến CCMC Sở tại TTPVHCC	Lãnh đạo UBND tỉnh	07 ngày
B8	- Thống kê và theo dõi - Thông báo, trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	CCMC tại TTPVHCC	Không tính thời gian
<b>Tổng thời gian giải quyết TTHC</b>			<b>45 ngày</b>

**5.2.** Trường hợp 2: Tổng thời gian thực hiện TTHC: 38 ngày (*trường hợp nộp cùng hồ sơ đề nghị gia hạn, điều chỉnh giấy phép khai thác tài nguyên nước*)

Số TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ: - Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trả lại hồ sơ và thông báo rõ lý do cho tổ chức, cá nhân đề nghị gia hạn, điều chỉnh giấy phép. + Trường hợp hồ sơ hợp lệ, tiếp nhận hồ sơ, ghi giấy hẹn ngày làm việc trả kết quả. Nhập hồ sơ điện tử; Chuyển hồ sơ cho Lãnh đạo Phòng QLTNN	CCMC Sở tại TTPVHCC/Văn thư Sở/Lãnh đạo Văn phòng Sở	01 ngày
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng QLTNN	01 ngày

Số TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B3	Thẩm định hồ sơ - Kiểm tra, thẩm định hồ sơ tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước được thực hiện đồng thời với việc kiểm tra, thẩm định hồ sơ đề nghị gia hạn, điều chỉnh giấy phép. - Trình UBND tỉnh dự thảo Quyết định phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.	Chuyên viên Phòng QLTNN	26 ngày
B4	Xem xét văn bản xử lý của chuyên viên, trình Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Phòng QLTNN	02 ngày
B5	Duyệt hồ sơ/ký văn bản xử lý chuyển văn thư	Lãnh đạo Sở NN&MT	02 ngày
B6	Phát hành văn bản; Chuyển hồ sơ đến UBND tỉnh	Văn thư Sở NN&MT	01 ngày
B7	Xem xét, ban hành quyết định; chuyển kết quả đến CCMC Sở tại TTPVHCC	Lãnh đạo UBND tỉnh	05 ngày
B8	- Thống kê và theo dõi - Thông báo, trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	CCMC tại TTPVHCC	Không tính thời gian
<b>Tổng thời gian giải quyết TTHC</b>			<b>38 ngày</b>

## 6. Điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước

Tổng thời gian thực hiện TTHC: 21 ngày.

Số TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ: - Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trả lại hồ sơ và thông báo rõ lý do cho tổ chức, cá nhân. - Trường hợp hồ sơ hợp lệ, tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra hồ sơ nếu đủ điều kiện ghi giấy biên nhận, hẹn ngày trả kết quả. Chuyển hồ sơ cho Lãnh đạo phòng QLTNN	CCMC Sở tại TTPVHCC/Văn thư Sở/Lãnh đạo Văn phòng Sở	1/2 ngày

Số TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng QLTNN	1/2 ngày
B3	<p>Thẩm định hồ sơ</p> <p>Kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, có trách nhiệm thẩm định hồ sơ tính tiền cấp quyền, nếu cần thiết thì thành lập Hội đồng thẩm định hồ sơ tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.</p> <p>+ Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện, trình UBND tỉnh phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước; trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện thì trả lại hồ sơ cho chủ giấy phép và thông báo rõ lý do bằng văn bản</p> <p>+ Trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa để hoàn thiện thì gửi văn bản thông báo cho chủ giấy phép nêu rõ những nội dung cần bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. Thời gian bổ sung, hoàn thiện không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ</p>	Chuyên viên Phòng QLTNN	12,5 ngày
B4	Xem xét văn bản xử lý của chuyên viên trình (dự thảo Tờ trình và Quyết định), trình Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo phòng QLTNN	01 ngày
B5	Duyệt hồ sơ, ký văn bản xử lý chuyển văn thư phát hành.	Lãnh đạo Sở NN&MT	01 ngày
B6	Phát hành văn bản, chuyển hồ sơ đến UBND tỉnh	Văn thư Sở NN&MT	1/2 ngày
B7	Xem xét, ban hành quyết định; chuyển kết quả đến CCMC Sở tại TTPVHCC	Lãnh đạo UBND tỉnh	05 ngày
B8	<p>- Thống kê và theo dõi</p> <p>- Thông báo, trả kết quả</p>	CCMC tại TTPVHCC	Không tính thời gian
<b>Tổng thời gian giải quyết TTHC</b>			<b>21 ngày</b>

## 7. Cấp lại giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác tài nguyên nước

Tổng thời gian thực hiện TTHC: 17 ngày.

Số TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ: - Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, trả lại hồ sơ và thông báo rõ lý do cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp lại giấy phép. + Trường hợp hồ sơ hợp lệ, tiếp nhận hồ sơ, ghi giấy hẹn ngày làm việc trả kết quả. Nhập hồ sơ điện tử; Chuyển hồ sơ cho Lãnh đạo Phòng QLTNN	CCMC Sở tại TTPVHCC/Văn thư Sở/Lãnh đạo Văn phòng Sở	1/2 ngày
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng QLTNN	1/2 ngày
B3	Thẩm định hồ sơ - Trường hợp đủ điều kiện để cấp lại, trình UBND tỉnh cấp lại giấy phép - Trường hợp không đủ điều kiện để cấp lại giấy phép thì trả lại hồ sơ cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp lại giấy phép và thông báo rõ lý do bằng văn bản.	Chuyên viên Phòng QLTNN	9,5 ngày
B4	Xem xét văn bản xử lý của chuyên viên trình (dự thảo Tờ trình và Quyết định), trình Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Phòng QLTNN	01 ngày
B5	Duyệt hồ sơ, ký văn bản, chuyển văn thư phát hành.	Lãnh đạo Sở NN&MT	01 ngày
B6	Phát hành văn bản; Chuyển hồ sơ đến UBND tỉnh	Văn thư Sở NN&MT	1/2 ngày
B7	Xem xét, ban hành quyết định; chuyển kết quả đến CCMC Sở tại TTPVHCC	Lãnh đạo UBND tỉnh	04 ngày
B8	- Thống kê và theo dõi - Thông báo, trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	CCMC tại TTPVHCC	Không tính thời gian
<b>Tổng thời gian giải quyết TTHC</b>			<b>17 ngày</b>

## 8. Chấp thuận nội dung về phương án chuyển nước

Tổng thời gian thực hiện TTHC: 43 ngày làm việc.

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	<p>Tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kiểm tra, xem xét tính đầy đủ của tài liệu, nội dung thông tin cung cấp để tổ chức lấy ý kiến; hướng dẫn bổ sung các số liệu, báo cáo, thông tin về dự án (nếu cần thiết).</li> <li>- Tiếp nhận hồ sơ, ghi giấy biên nhận, hẹn ngày làm việc trả kết quả. Nhập hồ sơ điện tử. Chuyển Lãnh đạo Phòng QLTNN</li> </ul>	CCMC Sở tại TTPVHCC/Văn thư Sở/Lãnh đạo Văn phòng Sở	1/2 ngày
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng QLTNN	1/2 ngày
B3	<p>Tổ chức thẩm định:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Ban hành văn bản xin ý kiến các Sở, ngành, UBND các xã liên quan và các đơn vị có liên quan;</li> <li>- Tổ chức cuộc họp lấy ý kiến để làm rõ các vấn đề liên quan đến dự án.</li> <li>- Tổng hợp tiếp thu các ý kiến;</li> </ul> <p>Nếu đủ điều kiện dự thảo Tờ trình và quyết định của UBND tỉnh trình Lãnh đạo xem xét;</p> <p>Nếu chưa đạt dự thảo văn bản thông báo cho tổ chức trình Lãnh đạo xem xét.</p>	Chuyên viên Phòng QLTNN	32 ngày
B4	Xem xét văn bản xin ý kiến; trình Lãnh đạo Sở	Lãnh đạo Phòng QLTNN	02 ngày
B5	Xem xét, ký văn bản trình UBND tỉnh	Lãnh đạo Sở NN&MT	02 ngày
B6	Phát hành văn bản; Chuyển hồ sơ đến UBND tỉnh	Văn thư Sở NN&MT	01 ngày
B7	Xem xét, ban hành; chuyển kết quả đến CCMC Sở tại TTPVHCC	Lãnh đạo UBND tỉnh	05 ngày
B8	- Trả kết quả cho cá nhân/tổ chức;	CCMC tại	Không tính



TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
	- Thống kê và theo dõi	TTPVHCC	thời gian
<b>Tổng thời gian giải quyết TTHC</b>			<b>43 ngày làm việc</b>

### III. LĨNH VỰC QUẢN LÝ CÔNG SẢN (02 TTHC)

#### 1. Giao tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi (*Trường hợp giao tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi được đầu tư xây dựng do UBND cấp tỉnh quản lý*)

Thời hạn thực hiện TTHC: 60 ngày.

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ và ghi giấy biên nhận, hẹn trả kết quả. Nhập hồ sơ điện tử. Chuyển đến Lãnh đạo phòng QLTNN.	CCMC Sở tại TTPVHCC/Văn thư Sở/Lãnh đạo Văn phòng Sở	1/2 ngày
B2	Phân công Chuyên viên phòng QLTNN xử lý	Lãnh đạo phòng QLTNN	01 ngày
B3	Thẩm định hồ sơ, xây dựng dự thảo văn bản. - Trường hợp hồ sơ không đáp ứng yêu cầu thông báo cho cá nhân/tổ chức trong thời hạn 03 ngày, nêu rõ lý do. - Trường hợp hồ sơ cần giải trình và bổ sung thêm, thông báo cho cá nhân/tổ chức trong thời hạn 05 ngày. - Trường hợp hồ sơ đáp ứng: tham mưu phối hợp với cơ quan được giao thực hiện nhiệm vụ quản lý tài sản công cấp tỉnh và cơ quan, đơn vị có liên quan dự thảo Quyết định giao tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi của Ủy ban nhân dân tỉnh.	Chuyên viên phòng QLTNN	22 ngày
B4	Xử lý hồ sơ, văn bản trình Lãnh đạo Sở NN&MT	Lãnh đạo phòng QLTNN	03 ngày
B5	Xem xét, ký duyệt các văn bản liên quan trình UBND tỉnh	Lãnh đạo Sở NN&MT	03 ngày
B6	Phát hành văn bản trình UBND tỉnh	Văn thư Sở NN&MT	1/2 ngày

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B7	Xem xét Quyết định giao tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi, chuyển kết quả đến CCMC Sở tại TTPVHCC	Lãnh đạo UBND tỉnh	30 ngày
B8	Trả kết quả giải quyết, thống kê và theo dõi	CCMC Sở tại TTPVHCC	Không tính thời gian
<b>Tổng thời gian giải quyết</b>			<b>60 ngày</b>

**2. Thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi; xử lý tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi trong trường hợp bị mất, hủy hoại (Đối với tài sản do UBND cấp tỉnh quản lý).**

**2.1. Trường hợp 1:** Đối với tài sản thuộc thẩm quyền quyết định thanh lý/xử lý của UBND tỉnh.

Thời gian thực hiện TTHC: 75 ngày.

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ và ghi giấy biên nhận, hẹn trả kết quả. Nhập hồ sơ điện tử. Chuyển đến Lãnh đạo phòng QLTNN.	CCMC Sở tại TTPVHCC/Văn thư Sở/Lãnh đạo Văn phòng Sở	01 ngày
B2	Phân công Chuyên viên phòng QLTNN xử lý	Lãnh đạo phòng QLTNN	01 ngày
B3	Thẩm định hồ sơ, xây dựng dự thảo văn bản. - Trường hợp hồ sơ không đáp ứng yêu cầu thông báo cho cá nhân/tổ chức trong thời hạn 03 ngày, nêu rõ lý do. - Trường hợp hồ sơ cần giải trình và bổ sung thêm, thông báo cho cá nhân/tổ chức trong thời hạn 05 ngày. - Trường hợp hồ sơ đáp ứng yêu cầu: dự thảo văn bản báo cáo đề nghị UBND tỉnh quyết định thanh lý/xử lý tài sản theo thẩm quyền; kèm theo bản sao hồ sơ; (trường hợp đề nghị thanh lý/xử lý tài sản không phù hợp dự thảo văn bản trả lời nêu rõ lý do)	Chuyên viên phòng QLTNN	15 ngày
B4	Xử lý hồ sơ, văn bản trình Lãnh đạo Sở NN&MT (qua phòng KHTC)	Lãnh đạo phòng QLTNN	03 ngày
B5	Xem xét hồ sơ, văn bản trình ký lãnh đạo Sở	Phòng KHTC,	20 ngày

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
	Sở NN&MT	Sở NN&MT	
B6	Xem xét ký duyệt văn bản trình UBND tỉnh.	Lãnh đạo Sở NN&MT	04 ngày
B7	Phát hành văn bản trình UBND tỉnh	Văn thư Sở NN&MT	01 ngày
B8	Xem xét Quyết định thanh lý/xử lý tài sản; chuyển kết quả đến CCMC Sở tại TTPVHCC	Lãnh đạo UBND tỉnh	30 ngày
B9	Trả kết quả giải quyết, thống kê và theo dõi	CCMC Sở tại TTPVHCC	không tính thời gian
<b>Tổng thời gian giải quyết</b>			<b>75 ngày</b>

**2.2. Trường hợp 2:** Đối với tài sản thuộc thẩm quyền quyết định thanh lý/xử lý của Sở Nông nghiệp và PTNT theo phân cấp.

Tổng thời gian thực hiện TTHC: 45 ngày.

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ và ghi giấy biên nhận, hẹn trả kết quả. Nhập hồ sơ điện tử. Chuyển đến Lãnh đạo phòng QLTNN.	CCMC Sở tại TTPVHCC/Văn thư Sở/Lãnh đạo Văn phòng Sở	01 ngày
B2	Phân công Chuyên viên phòng QLTNN xử lý	Lãnh đạo phòng QLTNN	01 ngày
B3	Thẩm định hồ sơ, xây dựng dự thảo văn bản. - Trường hợp hồ sơ không đáp ứng yêu cầu thông báo cho cá nhân/tổ chức trong thời hạn 03 ngày, nêu rõ lý do. - Trường hợp hồ sơ cần giải trình và bổ sung thêm, thông báo cho cá nhân/tổ chức trong thời hạn 05 ngày. - Trường hợp hồ sơ đáp ứng yêu cầu: dự thảo Quyết định thanh lý/xử lý tài sản theo thẩm quyền đối với tài sản thuộc thẩm quyền quyết định thanh lý/xử lý của Sở NN&MT; <i>(trường hợp đề nghị thanh lý/xử lý tài sản không phù hợp dự thảo văn bản trả lời nêu rõ lý do)</i>	Chuyên viên phòng QLTNN	15 ngày
B4	Xử lý hồ sơ, văn bản trình Lãnh đạo Sở NN&MT (qua phòng KHTC)	Lãnh đạo phòng QLTNN	03 ngày

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B5	Xem xét hồ sơ, văn bản trình ký lãnh đạo Sở Sở NN&MT	Phòng KHTC, Sở NN&MT	20 ngày
B6	Xem xét ký duyệt Quyết định thanh lý/xử lý tài sản theo thẩm quyền đối với tài sản thuộc thẩm quyền.	Lãnh đạo Sở NN&MT	04 ngày
B7	Phát hành văn bản; chuyển kết quả đến CCMC Sở tại TTPVHCC	Văn thư Sở NN&MT	01 ngày
B8	Trả kết quả giải quyết, thống kê và theo dõi	CCMC Sở tại TTPVHCC	không tính thời gian
<b>Tổng thời gian giải quyết</b>			<b>45 ngày</b>

#### IV. LĨNH VỰC PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI (02 TTHC)

##### 1. Nhóm 2 TTHC:

**1.1. Phê duyệt Văn kiện viện trợ quốc tế khẩn cấp để khắc phục hậu quả thiên tai không thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương tiếp nhận của Thủ tướng Chính phủ (cấp tỉnh)**

**1.2. Điều chỉnh Văn kiện viện trợ quốc tế khẩn cấp để khắc phục hậu quả thiên tai không thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương tiếp nhận của Thủ tướng Chính phủ (cấp tỉnh)**

Tổng thời hạn thực hiện TTHC: 30 ngày (*Quy trình thực hiện tạm thời do hiện nay chưa có quy định cụ thể tại văn bản pháp luật hiện hành*)

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra thành phần hồ sơ và ghi giấy biên nhận, hẹn trả kết quả. Chuyển hồ sơ đến Lãnh đạo phòng QLTNN.	CCMC tại TTPVHCC/Văn thư Sở/Lãnh đạo Văn phòng Sở	01 ngày
B2	Phân công chuyên viên phòng QLTNN	Lãnh đạo phòng QLTNN	01 ngày
B3	Thẩm định hồ sơ, xây dựng dự thảo văn bản: - Trường hợp hồ sơ không đáp ứng yêu cầu, thông báo cho cá nhân/tổ chức. - Trường hợp hồ sơ cần giải trình và bổ sung thêm, thông báo cho cá nhân/tổ chức. - Trường hợp hồ sơ đáp ứng yêu cầu: Xây dựng dự thảo văn bản lấy ý kiến các cơ quan liên quan	Chuyên viên phòng QLTNN	05 ngày

<b>TT</b>	<b>Trình tự</b>	<b>Trách nhiệm thực hiện</b>	<b>Thời gian thực hiện</b>
B4	Xử lý hồ sơ, trình Lãnh đạo Sở NN&MT	Lãnh đạo phòng QL TNN	01 ngày
B5	Xem xét, ký văn bản xử lý	Lãnh đạo Sở NN&MT	01 ngày
B6	Lấy ý kiến các cơ quan liên quan	Các cơ quan liên quan/Phòng QL TNN	15 ngày
B7	Tổng hợp ý kiến, chỉnh sửa và hoàn thiện hồ sơ, dự thảo tờ trình, Quyết định phê duyệt hoặc điều chỉnh	Phòng QL TNN	05 ngày
B8	Xem xét văn bản, ký Tờ trình trình UBND tỉnh ban hành văn bản giải quyết TTHC.	Lãnh đạo Sở NN&MT	01 ngày
B9	Xem xét, quyết định; chuyển kết quả giải quyết TTHC cho công chức một cửa của Sở NN&MT tại TTPVHCC	Chủ tịch UBND tỉnh	Theo quy chế làm việc của UBND tỉnh
B10	Trả kết quả giải quyết Thống kê và theo dõi	CCMC tại TTPVHCC	Không tính thời gian
<b>Tổng thời gian thực hiện</b>			<b>30 ngày</b>